

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông GI Văn Thảo

***- TH ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quyên - TH ký Toà án nhân dân quận Hải An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Phạm Anh S; đăng ký hộ khẩu THờng trú: Khố 9, thị trấn TS, xã HS, tỉnh HT; địa chỉ: Tổ dân phố BK 1, phường ĐH2, quận HA, HP; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Chị Trần Thị GI; đăng ký hộ khẩu THờng trú: Làng NH, xã YT, huyện Y, tỉnh ND; địa chỉ: Tổ dân phố BK 1, phường ĐH2, quận HA, HP; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Phạm Anh S trình bày:

Anh và chị Trần Thị GI kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tây S, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02/01/2013.

Theo anh S xác nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai có nhiều xung đột, bất đồng trong quan điểm, lối sống cũng như tính cách nên không tìm được tiếng nói chung, THờng xuyên xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên và bản thân anh chị đã cố gắng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2018 nên cả hai đã xác định không tiếp tục chung sống và cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Anh chị đã nhiều lần nộp đơn thuận tình ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó đã chủ động rút đơn về, cho nhau thêm cơ hội để hàn gắn tuy nhiên không thể cải thiện được mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay, mặc dù cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn nhưng sau khi ký đơn, chị GI không đến Tòa để làm thủ tục; về phía anh S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn. Anh S xác nhận bản thân không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị GI để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung Phạm Trần Minh TH, sinh ngày 16/6/2013 và Phạm Trần Minh CH, sinh ngày 02/7/2015. Ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Trần Minh TH và đồng ý để chị GI trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Trần Minh CH. Cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh S xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh S, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị GI để làm rõ về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống cũng như ý kiến của cá nhân anh đối với các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng chị GI đều vắng mặt. Vì vậy, không có quan điểm của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của anh Phạm Anh S là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại địa chỉ: Tổ dân phố Bình Kiều 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng; do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Anh S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Trần Thị GI mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của chị GI tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Anh S và chị Trần Thị GI kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tây S, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2003. Như vậy, việc kết hôn giữa anh S và chị GI tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Tài liệu xác minh thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh và kéo dài nhiều năm nay; nguyên nhân là do bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống chung. Gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân được một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế.

Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị GI để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tiến hành hòa giải, tuy nhiên chị GI đều vắng mặt không có lý do; có thể thấy chị GI không còn thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của anh S; cũng không mong muốn vợ chồng hòa giải, đoàn tụ. Anh S xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, bản thân không còn tình cảm, không tiếp tục muốn duy trì cuộc sống hôn nhân. Tòa án đã để thời gian để hai bên có thể hòa giải nhưng không có kết quả; cả hai anh chị đều không có biện pháp để cải thiện cũng như thay đổi tình trạng mâu thuẫn hiện tại. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh S và chị GI đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn do đó theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của anh S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh S và chị GI có hai con chung là cháu Phạm Trần Minh TH, sinh ngày 16/6/2013 và Phạm Trần Minh CH, sinh ngày 02/7/2015. Cháu TH có nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn; cháu CH còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu THơng của mẹ nhiều hơn. Điều kiện học tập và sinh hoạt hiện tại của các cháu ổn định. Vì vậy, để đảm bảo việc phát triển toàn diện, tránh ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của các cháu, xét thấy cần giao cháu TH cho anh S

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu CH cho chị GI trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc khi ly hôn. Do đó, yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của anh S là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho Anh Phạm Anh S được ly hôn chị Trần Thị GI.
- Về con chung:

Giao con chung Phạm Trần Minh TH, sinh ngày 16/6/2013 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Phạm Trần Minh CH, sinh ngày 02/7/2015 cho chị GI trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.
- Về án phí:

Anh Phạm Anh S phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh S đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu số 0018098 ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo:

Anh S, chị GI có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND thị trấn Tây S, huyện Hương S, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Cường**

